

Bản án số: 142/2024/DS-PT

Ngày 28 – 03 – 2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 2 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị L, sinh năm 1952.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Trần Ngọc N, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh T - Văn phòng Luật sư Lê Thanh T- Đoàn Luật sư tỉnh C; Địa chỉ: Số A T, phường E thành phố C.

- Bị đơn: Ông Cao Quốc S, sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Số F, Hồ T, phường X, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đặng Huỳnh L1, sinh năm 1956.
Địa chỉ cư trú: Số E Hương lộ C, phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Ngọc N, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Trần Hồng T1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bà M, bà T1: Bà Trần Ngọc N, sinh năm: 1970,
địa chỉ cư trú : Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Bà Cao Thị N1, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú tại: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Cao Thị T2, sinh năm: 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Cao Thị N2, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số B, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Cao Thu H (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

8. Ông Cao Thanh H1 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

9. Ông Cao Thanh D, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số D, Nguyễn T3, khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Cao Quốc S là bị đơn trong vụ án.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Vào năm 1975 bà và chồng là ông Trần Văn T4 có khai phá một phần đất tại ấp R, xã Đ, huyện N chiều ngang 17m, chiều dài 70m. Ông, bà có cất căn nhà ở chiều ngang 08m, chiều dài 15m để giữ hàng đày cặp sông. Đến năm 1988 ông, bà chuyển về sinh sống tại xã V, huyện N. Khi đi có gửi đất lại cho em ruột là Cao Thị N1 quản lý. Đến năm 1990 bà Cao Thị N3 (em bà L) có mượn căn nhà để ở. Đến năm 1995 thì trả lại cho ông, bà. Tiếp đến bà Cao Thu H (em bà L) mượn căn nhà ở tiếp vài năm, sau đó nhà hư hỏng nên bà H cất lại nhà khác trên phần đất này để bán quán. Đến năm 2003 bà H nghỉ bán quán và cho ông Đặng Thanh L2 là người ở cùng xóm thuê lại. Khi vợ chồng ông, bà phát hiện việc bà H cho thuê nhà để lấy tiền thì ông T4 không cho thu tiền và sau đó ông L2 làm giấy trả lại đất cho ông, bà. Qua quá trình nhiều năm bị lấn chiếm hiện nay diện tích còn lại 232,5m². Năm 2020 ông Cao Quốc S (em ruột bà L) chuyển nhượng phần đất nói trên lúc này gia đình mới biết, ông S tự ý lấn chiếm và ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 diện tích 232,5m². Nay bà yêu cầu ông S trả lại quyền sử dụng phần đất diện tích 232,5m² và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S.

Bị đơn trình bày: Ông T4 và bà L không có phần đất nào tại ấp R, xã Đ, huyện N. Nguồn gốc phần đất là do cha ông là Cao Văn S1, mẹ là Nguyễn Thị B khai phá để lại, cho lại ông S vào khoảng năm 1999. Khi cho thì không làm giấy tờ, do ông là con trai út trong nhà. Đến năm 2011 có đoàn làm giấy tờ đất, mẹ ông kêu ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay cha ông đã chết năm 1994, mẹ ông chết năm 2022. Còn các nội dung khác như về nguồn gốc đất và lời khai bà Cao Thị L ông không biết. Ông không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh D xác định: Ông là em ruột của bà L, anh ruột của ông S. Ông xác định phần đất đang tranh chấp hiện nay giữa bà L và ông S thì trước đây cha mẹ ông cho vợ chồng bà L, ông T4 ở, sinh sống cất căn nhà nhỏ làm hàng đày, canh tác trên phần đất này. Khoảng thời gian năm 1988 thì vợ chồng bà L, ông S đi nơi khác sinh sống để phần đất lại cho người chị Cao Thị N3 và chồng là ông G ở. Sau đó bà N3 và ông G cũng bỏ đi nơi khác, nên cha mẹ cho người chị là bà Cao Thị H2 ở, sau đó bà H2 cũng bỏ đi nơi khác sinh sống nên cha mẹ giao lại phần đất cho ông S quản lý đăng ký kê khai từ năm 2011. Trước đây ông T4 có cất nhà để ở trên phần đất này và làm nghề đi biển đánh bắt. Ông S cũng có một phần đất khác, gần với phần đất đang tranh chấp (Ông S là con trai út sống cùng cha mẹ). Việc ông S làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo ông là đúng quy định do phần đất này cha mẹ cho ông S quản lý. Ngoài ra ông không trình bày gì khác.

Bà Cao Thị T2 xác định: Bà là em ruột của bà L và là chị ruột của ông S. Bà xác định trước đây vợ chồng ông T4, bà L có một phần đất mà hiện nay đang tranh chấp với ông S. Bà xác định phần đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông T4, bà L, đất do vợ chồng ông T4, bà L có mấy mươi năm về trước, trước đây vợ chồng ông T4, bà L có cất nhà ở trên phần đất này. Phần đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông T4, bà L. Đối với đơn xin xác nhận ngày 24/6/2011 với phần đất diện tích 232,5m² (phần đất đang tranh chấp) bà không có ký tên. Còn việc ông S làm giấy tờ đất bà không biết.

Bà Cao Thị N1 (em của bà L, chị của ông S) xác định: Phần đất đang tranh chấp giữa bà L và ông S thì trước đây nguồn gốc đất là của vợ chồng bà L, ông T4. Bà xác định phần đất đang tranh chấp là của vợ chồng bà L và ông T4. Đối với đơn xin xác nhận của ông S ngày 24/6/2011 thì bà không có ký tên. Thời điểm năm 2011 thì ông S có kêu mọi người ký tên cho ông S làm giấy tờ đất. Do phần đất đó là của ông S được cha mẹ cho nên mọi người có ký tên, còn phần đất đang tranh chấp không có ký tên. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đến phần đất đang tranh chấp

Bà Cao Thị N2 là em của bà L, chị của ông S trình bày: Đối với việc tranh chấp giữa bà L và ông S thì bà không biết nội dung tranh chấp, bà cũng không liên quan cũng như không có yêu cầu gì.

Ông Nguyễn Thanh L3 ông xác định: Ông không biết ông S có được cha mẹ ông cho phần đất nào tại ấp R, xã Đ hay không, do ông chỉ là người ở thuê trên phần đất của gia đình ông T4 cho mượn ở, khi thuê là trả tiền cho bà H2.

Đối với tờ tường trình ngày 21/8/2020 (bút lục 41) thì ông xác định năm 2003 ông có thuê đất của bà H2 với giá mỗi năm là 500.000 đồng, ông thuê được 02 năm, sau đó ông có gặp ông T4 và N con ông T4 nói là cho mượn đất ở, không phải trả tiền thuê đất cho bà H2. Do đó bà H2 không thu tiền thuê đất nữa. Ông sinh sống cất nhà ở trên phần đất từ năm 2003 đến năm 2020 thì đi nơi khác sinh sống. Ông xác nhận có ký nhận vào đơn xin xác nhận ngày 24/6/2011 của ông S, với vai trò là người chứng kiến việc ông S có lập đơn xin xác nhận có tên những người trong đơn, chứ không phải ký người làm chứng chứng kiến cũng như thừa nhận phần đất này của ông Cao Quốc S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị L4. Buộc ông Cao Quốc S trả lại quyền sử dụng phần đất có diện tích 232,5m² (Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 27/11/2023 ông S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiến kháng nghị đề nghị hủy bản án. Vì bà L có yêu cầu đòi đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông S, thẩm quyền xét xử việc hủy giấy thuộc của Tòa án tỉnh Cà Mau. Thứ hai cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện tham gia tố tụng là người liên quan nên vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn bảo lưu ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo Cao Quốc S. Hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến giao hồ sơ vụ án cho tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến giải quyết theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Cao Quốc S và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiến còn trong hạn luật định.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Phần đất đang tranh chấp theo biên bản hiện trạng ngày 30/12/2022 của Công ty TNHH - diện tích 232,5m² tại ấp rạch tàu xã Đ, huyện N trên đất không có kiến trúc, có một số cây cỏ giá trị không đáng kể, nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất giá trị.

[3] Xét về nguồn gốc phần đất: Tại văn bản xin xác nhận nguồn gốc đất ngày 05/11/2020 thì các hộ dân lớn tuổi hiện nay đang sinh sống tại địa phương ấp R, xã Đ, huyện N đều xác nhận phần đất đang tranh chấp giữa bà L và ông S thì phần đất này là của ông T4 và bà L khai phá. Gia đình ông T4, bà L có cất nhà sinh sống trên phần đất này, ông T4 trước đây khi ở đây cất nhà làm nghề biển, trông giữ hàng đáy.

Tại tờ tường trình và biên bản làm việc ngày 11/10/2023 ông Đặng Thanh L2 xác định phần đất này là của gia đình ông T4 và bà L, trước đây ông có thuê và trả tiền cho bà Cao Thu H (em ruột bà L) hai năm là số tiền 1.000.000 đồng. Do năm 2004 ông T4 nói phần đất này là của ông, do đó bà H không thu tiền nữa. Ông ở trên phần đất này đến năm 2020 thì ông đi nơi khác. Tại các biên bản làm việc với bà N1, bà T2, ông D là anh chị em ruột của bà L và ông S xác định phần đất đang tranh chấp trước đây là của gia đình ông T4 và bà L, ông T4 có cất nhà sinh sống trên phần đất đến năm 1988 thì bỏ đi nơi khác sinh sống điều này là có cơ sở. Từ năm 1988 đến nay cũng không sử dụng. Sau khi bà L, ông T4 không sử dụng thì có hai người em ruột đến sử dụng và cất lại căn nhà để ở và bán quán.

Đối với bị đơn ông S cho rằng phần đất tranh chấp là do cha mẹ cho: Phần đất đang tranh chấp là do cha ông là ông Cao Văn S1 và mẹ khai phá vào năm 1975, sau đó cho vợ chồng ông T4 mượn ở, vì ông T4 là rể, sau đó vợ chồng ông T4 đi nơi khác nên cha ông lấy lại cho người chị thứ năm Cao Thị N3 mượn, sau đó giao lại cho người chị thứ tám là Cao Thị H2. Năm 1999 cha, mẹ ông đã cho ông nhưng chưa làm giấy tờ đến năm 2011 mẹ của ông giao lại cho ông và sau đó có đoàn đăng ký đất đai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông trực tiếp làm giấy và thời điểm này, mẹ ông bà Nguyễn Thị Bùi v còn sống với ông, từ đó đến nay không ai tranh chấp. Năm 2020, Ông S kêu người bán phần đất, thì gia đình bà L mới phát đơn kiện và yêu cầu đòi đất.

[4] Xét quá trình sử dụng đất bà L, ông T4 sử dụng từ năm 1975 đến 1988 sau đó bỏ đi nơi khác, không trồng cây trên đất hay chăm sóc quản lý, cũng không lập thủ tục đăng ký mục kê, kê khai phần đất. Theo lời nguyên đơn cho là có 1 số người xung quanh lấn chiếm, nên diện tích bị nhỏ dần. Trong khi đó ông S và ông H1 cho là phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha, mẹ của nguyên và bị đơn khai phá, bị đơn đăng ký cấp giấy năm 2011 là do mẹ bị đơn cho và được cấp giấy tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S thể hiện nguồn gốc đất của cha, mẹ tặng cho.

Tại lời khai ông Cao Thanh D là em ruột bà lớn. Việc ông S làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định, bà Cao Thị T2 là em ruột bà L, bà có biết vợ chồng ông bà L, ông T4 có ở trên phần đất tranh chấp. Đối với đơn xin xác nhận ngày 24/6/2011 bà cho là không có ký tên, ngoài ra việc làm giấy chứng nhận của ông S bà không biết, bà Cao Thị N1, Cao Thị N2 đều là em bà L cũng không biết việc ông S làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong vụ án này tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Đối với anh em của bà L và ông S chỉ là nhân chứng, người biết sự việc. Án sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng tư cách là người có quyền lợi liên quan vụ án là không đúng cần rút kinh nghiệm.

Như vậy ông T4, bà L có ở trên đất đến năm 1988 là đúng, từ năm 1988 đến nay không quản lý và không sử dụng. Đối chiếu với trường hợp này chủ đất cũ và người sử dụng đất tranh chấp nhau, do chủ đất cũ không đăng ký kê khai, không đứng tên trong sổ mục kê, đăng ký ruộng đất hoặc sổ địa chính, không thực hiện quyền quản lý sử dụng của người chủ sử dụng đất, không nộp thuế quyền sử dụng đất, không sử dụng 6 tháng liên theo khoản 5 điều 14 Luật đất đai năm 1987. Thì nhà nước thu hồi, còn ông S đã đăng ký kê khai đã được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự của Luật đất đai năm 2003. Hiện tại bà L cũng không cung cấp chứng cứ nào thể hiện là người được cấp thẩm quyền thừa nhận là người sử dụng đất, cho nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đòi bị đơn trả lại phần đất diện tích 232,5m² tại ấp R, Đ, huyện N theo biên bản đo vẽ là phù hợp. Vì vậy sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển. Theo giải đáp số 01/2017 GD-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện N tham gia tố tụng, tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng. Xét thấy tại Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 về việc giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử tại Mục III. Dân sự, tố tụng dân sự... Điều 3: Theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, thì khi giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Tòa án xét thấy cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Trong trường hợp này án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật, nên án phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Đối với việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xét thấy khi có căn cứ rõ ràng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó là trái pháp thì mới cần phải hủy giấy và đưa UBND huyện N vào tham gia tố tụng. Vì vậy việc kháng nghị hủy án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển là không đúng.

Từ những căn cứ phân tích trên chấp nhận kháng cáo của ông Cao Quốc S.

Không chấp nhận kháng nghị của viên kiểm sát nhân dân huyện N.

Về chi phí tố tụng đo đạc: Nguyên đơn tự chịu chi phí đo đạc số tiền 3.928.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo thẩm định giá, phần đất trị giá $400.000.000đ \times 5\% = 20.000.000$ nguyên đơn phải chịu. Nguyên đơn đã được miễn dự nộp, thuộc trường hợp được miễn án phí, là người cao tuổi nên không phải chịu. Bị đơn không phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Chấp nhận kháng cáo của ông Cao Quốc S.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị L về việc buộc ông Cao Quốc S trả lại phần đất thửa số 38, tờ bản đồ 44 diện tích 232,5m² tại Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Do Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/10/2011 đứng tên ông Cao Quốc S (Có sơ đồ đo đạc kèm theo biên bản hiện trạng ngày 30/12/2022 của Công ty TNHH -).

2. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải tự chịu số tiền 3.928.000 đồng đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn phải chịu: 20.000.000 đồng. Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Quốc S không phải chịu. Ngày 27/11/2023, ông S đã dự nộp 300.000 đồng lai số 0014787 tại Chi cục thi hành án huyện Ngọc Hiển được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Dương Hùng Quang